

# VAI TRÒ CỦA LÍ THUYẾT KIẾN TẠO TRONG VIỆC DẠY HỌC CÁC BÀI PHONG CÁCH CHỨC NĂNG TIẾNG VIỆT

TRƯƠNG THU HƯỜNG\*

Ngày nhận bài: 06/12/2016; ngày sửa chữa: 09/12/2016; ngày duyệt đăng: 13/12/2016.

**Abstract:** Constructivist theory is one of the modern teaching viewpoints which promote the positive, creativeness of learners and improve quality of teaching. This teaching model changes steps of teaching and has been applied efficiently in lessons of Vietnamese function styles. This application plays an important role in promoting the positive of learners, improving quality of teaching Vietnamese and Philology at schools.

**Keywords:** Constructivist theory, the positive of students, teaching, Vietnamese function styles.

Hiện nay trên thế giới, lý thuyết kiến tạo (LTKT) đang là đối tượng nghiên cứu của nhiều nhà tâm lý học, khoa học giáo dục. Tiếp cận thành tựu của tâm lý học hiện đại, đặc biệt là của tâm lý học phát triển, các nhà khoa học giáo dục Việt Nam cũng đã bước đầu nghiên cứu về LTKT. Trên cơ sở đó, LTKT đã được vận dụng để tiến hành dạy học một số nội dung trong chương trình Vật lý, Toán học, Hóa học và cũng đã có một vài thực nghiệm sư phạm chứng minh khả năng của quan điểm mới này trong việc tích cực hóa người học. Tuy nhiên, theo chúng tôi, LTKT không chỉ phát huy khả năng trong dạy học những môn khoa học tự nhiên mà ngay cả trong việc hình thành những tri thức, kĩ năng phong cách chức năng (PCCN) tiếng Việt cho học sinh (HS) phổ thông, quan điểm này cũng có rất nhiều tiềm năng cần được xem xét, nghiên cứu.

## 1. Khái quát về LTKT

**1.1.** Theo lý luận dạy học, LTKT (Constructivism) là một quan điểm mới về dạy học. Dựa trên những nghiên cứu tâm lý học phát triển của Jean Piaget và Vygotsky, Von Glasersfeld đã phát triển thành lý thuyết học. LTKT cho rằng quá trình nhận thức của người học về thực chất là quá trình người học tự xây dựng nên những kiến thức cho bản thân thông qua các hoạt động *đồng hóa* và *điều ứng* các kiến thức và kĩ năng đã có để thích ứng với môi trường học tập mới.

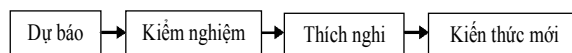
- *Đồng hóa* là quá trình khi chủ thể tiếp nhận thông tin mới từ khách thể và những thông tin này có thể kết hợp trực tiếp vào sơ đồ nhận thức đang tồn tại để giải quyết tình huống mới.

- *Điều ứng* là quá trình người học khi gặp một tình huống mới nhưng kiến thức và kinh nghiệm đã có

không đủ để giải quyết; để giải quyết tình huống này, người học buộc phải thay đổi, thậm chí là phải bác bỏ các kiến thức và kinh nghiệm cũ.

Để vận dụng quan điểm kiến tạo vào thực tiễn dạy học cần xác định: - HS đóng vai trò trung tâm trong suốt quá trình học tập và phải thường xuyên tự giác, tích cực và chủ động trong học tập; - Giáo viên (GV) với vai trò là người thiết kế tình huống trong học tập, tạo môi trường tổ chức và điều khiển hoạt động học tập của HS, giúp các em kiểm nghiệm tri thức, kiểm tra, đánh giá quá trình học tập của mình.

**1.2. Mô hình dạy học theo quan điểm của LTKT.** LTKT cho rằng tất cả các tri thức đều nhất thiết là một sản phẩm của hoạt động nhận thức của chính HS; hơn nữa, nó phải đáp ứng được các yêu cầu xã hội. Do đó, mô hình dạy học theo quan điểm LTKT có cấu trúc như sau:



Theo mô hình này, con đường nhận thức của HS chủ yếu là quy nạp. Theo đó, để dạy một kiến thức mới, GV là người đưa ra các hoạt động học tập, HS tích cực, tìm tòi, khám phá. Quá trình chiếm lĩnh tri thức của HS diễn ra theo quy trình này không những giúp HS có được hệ thống tri thức đáp ứng được các yêu cầu thực tiễn mà còn dạy cho HS cách thức thu nhận kiến thức.

Mô hình này chứa đựng sự thay đổi sâu sắc về quá trình dạy học từ việc xác định mục tiêu, xác định nội dung chương trình, lựa chọn hệ thống phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá,...

\* Trường Trung học phổ thông Chuyên Lương Thế Vinh - Đồng Nai

## **2. Đặc điểm của các bài PCCN tiếng Việt và khả năng vận dụng quan điểm của LTKT**

Để phù hợp với trình độ tiếp nhận của HS, phù hợp với yêu cầu thực tiễn đồng thời để đảm bảo được tính hệ thống, các bài PCCN trong chương trình sách giáo khoa trung học phổ thông được phân bố theo cả ba khối lớp. Ở lớp 10, HS học hai bài *Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt* và *Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật*; lên lớp 11, các em học hai bài *Phong cách ngôn ngữ báo chí* và *Phong cách ngôn ngữ chính luận*; còn hai bài *Phong cách ngôn ngữ khoa học* và *Phong cách ngôn ngữ hành chính* các em tiếp tục học trong chương trình lớp 12. Để dạy học các bài này theo hướng vận dụng quan điểm của LTKT đạt hiệu quả tốt, GV cần chú ý một số đặc điểm:

**2.1. Các bài PCCN trong chương trình trung học phổ thông thuộc kiểu bài hình thành kiến thức và kĩ năng mới nhưng có sự gắn bó chặt chẽ với các bài học về từ ngữ, ngữ pháp, biện pháp tu từ đã học.** Nội dung phần tiếng Việt trong chương trình trung học cơ sở chủ yếu cung cấp và rèn luyện cho HS kiến thức và kĩ năng liên quan đến từ ngữ, ngữ pháp, hội thoại, các biện pháp tu từ,... mà không đề cập vấn đề PCCN ngôn ngữ. Như vậy, đây có thể được xem là nội dung học tập có tính mới đối với HS trung học phổ thông. Tuy nhiên, dựa vào nội dung của các bài PCCN, có thể thấy, PCCN bao quát việc sử dụng tất cả các phương tiện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, biện pháp tu từ,... của ngôn ngữ toàn dân. Vì vậy, muốn hiểu rõ đặc điểm diễn đạt của PCCN nào, bao giờ chúng ta cũng phải xem xét nó dựa trên các mặt: cách thức sử dụng ngữ âm - từ ngữ - câu văn (ngữ pháp) - biện pháp tu từ và bố cục trình bày (nếu có). Tất cả các phương tiện diễn đạt này, HS đều đã học khá kĩ và có hệ thống từ các lớp dưới, cấp học dưới. Chẳng hạn: về biện pháp tu từ, ở lớp 6, HS đã được học các bài *So sánh*, *Ẩn dụ*, *Nhân hoá*, *Hoán dụ*; lên lớp 8, các em tiếp tục học bài *Điệp ngữ*; đến lớp 10, các em được củng cố, thực hành thêm lần nữa qua hai bài: *Thực hành phép tu từ ẩn dụ và hoán dụ*, *Thực hành các phép tu từ: phép điệp và phép đối*... Đây là điều kiện rất thuận lợi để GV vận dụng quan điểm của LTKT trong khi dạy các bài PCCN. Nói rõ hơn, trong quá trình giảng dạy, GV có thể khai thác kiến thức và kĩ năng đã có của HS, hướng dẫn HS liên hệ các kiến thức về từ ngữ để phân tích cách sử dụng từ ngữ trong các bài PCCN khác nhau. Tương tự, những kiến thức về ngữ pháp (câu) và biện pháp tu từ mà HS đã được học ở các cấp học

dưới cũng sẽ phát huy tác dụng khi các em xem xét cách sử dụng câu, biện pháp tu từ trong các bài PCCN. Mặt khác, ngoài đặc điểm có sử dụng phương tiện diễn đạt riêng, mỗi PCCN còn có những đặc trưng riêng. Muốn hiểu rõ đặc trưng của các PCCN, chúng ta không thể không xem xét đặc điểm sử dụng các phương tiện ngôn ngữ. Ví dụ: tính cảm xúc của phong cách ngôn ngữ sinh hoạt biểu hiện qua các mặt: giọng điệu tự nhiên; từ ngữ có tính khẩu ngữ - thể hiện cảm xúc; những kiểu câu giàu sắc thái cảm xúc (câu cảm thán, câu cầu khiến,...). Đó cũng là hướng vận dụng quan điểm của LTKT trong dạy học các bài PCCN tiếng Việt.

**2.2. Giữa các bài PCCN ít nhiều có sự giao thoa với nhau, vừa tạo điều kiện, vừa yêu cầu hoạt động khai thác kinh nghiệm đã có của HS.** Ở một mức độ nhất định, giữa các PCCN có những nét gần gũi nhau về một số đặc trưng cũng như cách thức sử dụng các phương tiện ngôn ngữ. Ví dụ: phong cách ngôn ngữ chính luận và phong cách ngôn ngữ nghệ thuật, phong cách ngôn ngữ nghệ thuật và phong cách ngôn ngữ sinh hoạt, phong cách ngôn ngữ khoa học và phong cách ngôn ngữ hành chính,... Tìm hiểu sự giao thoa giữa phong cách ngôn ngữ chính luận và phong cách ngôn ngữ nghệ thuật, chúng ta thấy phong cách ngôn ngữ chính luận chủ yếu dựa trên kiểu ngôn ngữ viết - phi nghệ thuật nhưng thực tế thì trong nhiều trường hợp, nó cũng có thể bao gồm rộng rãi những cấu trúc của các kiểu viết và miệng - nghệ thuật. Vì vậy mà có rất nhiều văn bản chính luận ngoài giá trị như những văn kiện lớn còn được xem là những áng văn có ý nghĩa thời đại, chẳng hạn như *Tuyên ngôn độc lập* của Hồ Chí Minh. Tìm hiểu sự giao thoa giữa phong cách ngôn ngữ sinh hoạt và phong cách ngôn ngữ nghệ thuật ta cũng có thể thấy, bên cạnh việc sử dụng lớp ngôn ngữ riêng có giá trị tạo hình biểu cảm, có khả năng gợi liên tưởng, tưởng tượng cao thì phong cách ngôn ngữ nghệ thuật còn sử dụng cả các phương tiện ngôn ngữ của khẩu ngữ tự nhiên, của các phong cách hành chính - công vụ, phong cách chính luận, phong cách khoa học, trong đó các phương tiện khẩu ngữ tự nhiên được dùng nhiều nhất. Còn trong ngôn ngữ sinh hoạt, chúng ta vẫn thấy những kiểu nói bóng bẩy thường gặp trong văn chương. Do đó, khi vận dụng quan điểm LTKT trong quá trình dạy học, việc soi chiếu, liên hệ các kiến thức sẽ giúp HS củng cố bài học cũ đồng thời hiểu rõ bài học mới; qua đó phân biệt được sự khác nhau giữa các PCCN tiếng Việt.

**2.3. Hệ thống các bài PCCN được phân bố theo nguyên tắc đi từ nội dung quen thuộc, gần**

**gửi đến những kiến thức mới.** Đó là nguyên tắc biên soạn chương trình của bộ sách giáo khoa mới nói chung, của các bài học PCCN nói riêng. Ví dụ, ở lớp 10, HS học hai bài *Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt* và *Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật*. Đây là hai phong cách ngôn ngữ hình thành sớm trong lịch sử tiếng Việt (các phong cách khác phân hóa muộn hơn) và cũng được thể hiện ở những văn bản giao tiếp quen thuộc với HS (giao tiếp sinh hoạt hàng ngày ở gia đình, trong trường học và ngoài xã hội; các tác phẩm văn học trong chương trình Ngữ văn và trong đời sống). Lên lớp 11, HS tiếp tục được học *Phong cách ngôn ngữ báo chí* chính là đặc điểm ngôn ngữ của những văn bản thông tin quen thuộc trong đời sống hàng ngày nhưng phong cách ngôn ngữ chính luận lại được thể hiện không chỉ ở một số văn bản quen thuộc như những bài bản luận về vấn đề xã hội, chính trị trên báo chí, trong sách vở mà còn ở một số văn bản mới đối với HS. Chính vì thế, khi dạy học các bài PCCN tiếng Việt theo quan điểm LTKT, GV có thể khai thác kinh nghiệm đã có của HS từ thực tế sử dụng ngôn ngữ và từ các bài học trước đó, tổ chức hoạt động để HS khám phá, tự hình thành các kiến thức và kĩ năng mới cho bản thân.

### **3. Sự cần thiết của việc dạy học các bài PCCN theo hướng vận dụng quan điểm của LTKT**

Trong nhà trường, nhiệm vụ của môn *Ngữ văn* nói chung và các bài PCCN nói riêng là rèn luyện cho HS biết sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ một cách có hiệu quả nhất, phát huy khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ cho HS dưới nhiều hình thức như nghe - nói - đọc - viết. Đây là những kĩ năng cơ bản giúp con người thích nghi, hoà nhập với cuộc sống, thoả mãn những nhu cầu giao tiếp tinh tế, phức tạp, đa dạng của trí tuệ và tình cảm. Muốn thực hiện được mục tiêu này, GV phải lựa chọn cho mình hướng dạy học hợp lí. Trong thực tế dạy học các bài PCCN, GV đã cố gắng tìm ra những giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng dạy học. Một trong những giải pháp đó là sử dụng các kiến thức có liên quan, đặc biệt là kiến thức văn học, ngôn ngữ. Tuy nhiên, những kiến thức này mới chỉ có tác dụng minh họa mà chưa thể giúp HS nâng tầm nhận thức, quá trình học tập phần lớn ở trạng thái thụ động hoặc bị áp đặt. Điều đó đương nhiên không đáp ứng được với mục tiêu dạy học các bài PCCN, HS không thể thích ứng được với thực tế cuộc sống.

Dạy học tiếng Việt nói chung và dạy học các bài PCCN nói riêng theo hướng vận dụng quan điểm của LTKT có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi vì những

kiến thức tổng hợp về PCCN kết hợp với những kiến thức về tiếng Việt nói chung góp phần phát triển lời nói cho HS. Những kiến thức về PCCN còn giúp HS phát triển kĩ năng tạo lập văn bản đồng thời vận dụng văn bản vào trong học tập và cuộc sống một cách hợp lí. Rõ ràng, việc nói - viết đúng chuẩn, đúng phong cách sẽ giúp HS tự tin hơn trong quá trình giao tiếp, vững vàng hơn khi hoà nhập cuộc sống hiện đại.

Vì vậy, việc đi tìm một hướng dạy học mới vừa đáp ứng được mục tiêu dạy học vừa phù hợp với đặc điểm tri thức phong cách lại càng trở nên cấp thiết. Trong nhà trường, dạy học tiếng Việt gắn liền với PCCN sẽ làm HS tiếp thu được cái sinh động, linh hoạt của tiếng nói dân tộc. Dạy học các bài PCCN theo hướng vận dụng quan điểm của LTKT sẽ là biện pháp tốt góp phần khắc phục được tình trạng khô khan, tẻ nhạt trong giờ học, sự thờ ơ của HS; hơn thế, còn thúc đẩy HS học tập tự giác, tích cực, qua đó hình thành tri thức về PCCN và biết vận dụng những tri thức đó vào việc tạo lập và phân tích các phát ngôn. HS biết nghe - nói - đọc - viết đúng chuẩn, đúng phong cách sẽ góp phần vào việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Vì thế, dạy học các bài PCCN theo hướng vận dụng quan điểm của LTKT thực sự rất cần thiết bởi điều đó góp phần phát triển tư duy tổng hợp - khái quát cho HS, giúp HS có kĩ năng sử dụng ngôn ngữ linh hoạt, tinh tế.

\* \* \*

Chúng tôi đã nghiên cứu khái quát về vai trò của GV và HS, mô hình dạy học theo quan điểm LTKT; đã xem xét đặc điểm của các bài PCCN tiếng Việt và khả năng dạy học vận dụng quan điểm của LTKT trong quá trình dạy học các bài học đó. Từ đó, chúng tôi nhận thấy vai trò, ý nghĩa to lớn của việc vận dụng quan điểm của lí thuyết học hiện đại này trong việc tích cực hóa quá trình nhận thức của HS, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học Ngữ văn nói riêng và khả năng sử dụng tiếng Việt của HS nói chung. □

#### **Tài liệu tham khảo**

- [1] Nguyễn Hữu Châu (2005). *Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học*. NXB Giáo dục.
- [2] Trần Bá Hoành (2005). *Đổi mới phương pháp dạy học, chương trình và sách giáo viên*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Lê A - Bùi Minh Toán - Nguyễn Quang Ninh (2001). *Phương pháp dạy học Tiếng Việt*. NXB Giáo dục.
- [4] Nguyễn Minh Thuyết (1998). *Về dạy Tiếng Việt ở phổ thông*. NXB Giáo dục.
- [5] Nguyễn Đức Tồn (2001). *Những vấn đề về dạy và học Tiếng Việt trong nhà trường*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.